

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2019/HC-ST

Ngày 22 - 5 - 2019

V/v “*Khởi kiện hành vi hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trương Quyết Thắng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Duy Cương
2. Bà Nguyễn Thị Kim

- Thư ký phiên toà: Bà Dương Thu Ngân - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 76/2018/HCST ngày 05/12/2018 về việc “*Khởi kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2019/QĐST-HC ngày 05 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Chị Nguyễn Thị T;

Địa chỉ: Khu 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Ma Ngọc Mạnh L - Địa chỉ: Tổ 3B, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lào Cai. (Văn bản ủy quyền ngày 04/9/2018). Có mặt tại phiên tòa.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai

Địa chỉ: Số 091, phố X, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Tân P - Chức vụ: Chủ tịch UBND huyện S, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Mạnh H - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện S, tỉnh Lào Cai. (Văn bản ủy quyền ngày 27/12/2019). Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai người khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Ông Đặng Đình Đ có 01 thửa đất diện tích 120,0m² đã được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số: Đ797307 ngày 12/5/2004 mang tên chủ sử dụng đất là hộ ông Đặng Đình Đ. Năm 2005 thửa đất nêu trên của ông Đ bị quy hoạch làm dự án Xây dựng hạ tầng và san tạo mặt bằng Chợ Văn hóa – Bến xe khách thị trấn S. Ngày 16/3/2005 ông Đ được ban giải phóng mặt bằng của huyện S tổ chức kiểm kê toàn bộ phần diện tích đất, nhà ở và các hạng mục tài sản, hoa màu khác để phục vụ xây dựng công trình Chợ Văn hóa – Bến xe khách thị trấn S. Ngày 18/6/2006 Ủy ban nhân dân huyện S đã ban hành quyết định số: 176/QĐ – UBND thu hồi 307,1m² đất của hộ gia đình ông Đ trong đó bao gồm cả 120,0m² đất đã được cấp GCNQSDĐ.

Ngày 29/6/2006 UBND huyện S ban hành quyết định số: 221/QĐ – UBND bồi thường cho vợ ông Đ tổng số tiền là: 183.550.100đồng. Để tạo điều kiện cho nhà nước có mặt bằng thi công xây dựng công trình, sau khi được Ban quản lý dự án vận động, gia đình ông Đ đã nhận số tiền: 25.958.500đồng tiền tài sản, hoa màu và tiền di chuyển tài sản đi thuê nhà ở để bàn giao mặt bằng cho nhà nước. Số tiền bồi thường đất ở còn lại ông Đ chưa nhận với lý do: Ban quản lý dự án huyện S cho biết giữ lại để nộp sử dụng đất chênh lệch khi nhà nước cấp tái định cư cho hộ gia đình ông Đ.

Kể từ khi thu hồi đất đến nay, ông Đ đã nhiều lần gửi đơn đề nghị UBND huyện S bàn giao đất tái định cư, nhưng UBND huyện S khất lần không trả lời. Ngày 16/8/2017 ông Đ lâm bệnh nặng rồi qua đời, bố mẹ ông Đ đã chết trước ông Đ, hiện nay người thừa kế của ông Đ chỉ còn vợ là bà Nguyễn Thị T và con là Đặng Xuân V, sinh năm 2003.

Tháng 6/2018 bà T đã gửi đơn đề nghị các cơ quan có thẩm quyền giải quyết dứt điểm việc cấp tái định cư cho gia đình bà T, đến ngày 11/7/2018 bà T nhận được Văn bản số: 1618/UBND – PTQĐ của Ủy ban nhân dân huyện S ban hành về việc trả lời đơn đề nghị hộ bà Nguyễn Thị T do Phó chủ tịch Lê Mạnh

H ký. Theo văn bản số: 1618/UBND – PTQĐ thì gia đình bà T không được cấp tái định cư và không được bồi thường về đất. Lý do: Căn cứ thông báo số 338/TB – HU ngày 25/01/2008 của Ban thường vụ huyện ủy S (xác định nhà và đất trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc quyền sử dụng của ông Hoàng Anh T).

Hành vi hành chính không cấp đất tái định cư cho gia đình ông Đ với lý do nhà và đất trên GCNQSDĐ thuộc quyền sử dụng của ông Hoàng Anh T là trái pháp luật bởi vì: Theo biên bản làm việc ngày 17/01/2017 giữa các cơ quan chức năng chuyên môn của huyện S với ông Hoàng Anh T: Ông T khẳng định năm 1998 do không có đất ở nên đã xin bà T1 một mảnh đất để làm nhà ở. Đến cuối năm 2001, ông T đã đồng ý trả lại toàn bộ nhà và đất cho ông Đặng Đình Đ (con trai bà T1). Ông T xác định nhà và đất là thuộc quyền sử dụng và quyền lợi là của ông Đ, không liên quan gì đến ông T. Phần đất vườn bà T1 đã cho ông T giáp với nhà ở bà T1, do giá bồi thường không đáng kể nên ông T trả lại cho bà T1.

Từ những phân tích nêu trên thấy rằng tài sản, hoa màu và toàn bộ diện tích đất 307,1m², trong đó: 120,0m² đất ở đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, 187,1m² đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc quyền sở hữu sử dụng của vợ chồng ông Đ và bà T. Vì vậy văn bản số: 1618/UBND – PTQĐ cho rằng ông Đ không được cấp tái định cư và không bồi thường về đất là trái với quy định của pháp luật đất đai, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông Đ.

Căn cứ theo quy mô của dự án Xây dựng hạ tầng và san tạo mặt bằng Chợ Văn Hóa – Bến xe khách thị trấn S thì trong dự án có quỹ đất để cấp tái định cư cho các hộ bị thu hồi tại đường N1 và đường N2, theo quy định của pháp luật thì ông Đ thuộc diện được cấp tái định cư khi nhà nước thu hồi đất. Ông Đặng Đình Đ đã chết, vì vậy bà Nguyễn Thị T đã làm khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai giải quyết: Buộc Ủy ban nhân dân huyện S cấp 01 lô đất tái định cư hoặc bồi thường 01 lô đất tại đường N1 cho những người thừa kế của ông Đ (bà T và con trai là Đặng Xuân V).

Người đại diện theo ủy quyền của Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện S trình bày:

- Về căn cứ để thu hồi đất thực hiện dự án: Dự án Xây dựng hạ tầng và san tạo mặt bằng Chợ Văn hóa - Bến xe khách S, thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng - sử dụng đất để chỉnh trang, phát triển đô thị - theo quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 36 và Khoản 1 Điều 82 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai; điểm b Khoản 2 Điều 34 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 quy định về bổ sung về việc cấp

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai.

- Về việc thu hồi đất hộ ông Đặng Đình Đ:

Hộ ông Đặng Đình Đ bị thu hồi tại quyết định số 176/QĐ-UBND ngày 18/6/2005, với diện tích thu hồi là 307,1m²; phê duyệt bồi thường tại quyết định số 221/QĐ-UBND ngày 29/6/2006.

Gia đình ông Đặng Đình Đ có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và nhà ở trên đất, năm 2005 UBND S đã thống kê, thu hồi, bồi thường cho gia đình ông Đ theo quy định, gia đình đã nhận tiền bồi thường về tài sản, hoa màu, chưa nhận tiền bồi thường về đất để lại để đối trừ khi giao đất tái định cư.

Tuy nhiên, tại Thông báo số 338/TB-HU ngày 25/01/2008 thông báo kết luận của Ban thường vụ huyện ủy S đã giao cho UBND huyện ra quyết định hủy bỏ hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Đ, thoái trả tiền sử dụng đất với lý do: Việc lập hồ sơ giao đất không đầy đủ thủ tục theo quy định và trên diện tích đất không đúng chủ sử dụng và nhà ở (nhà và đất trên GCNQSDĐ thuộc quyền sử dụng của ông Hoàng Anh T).

Báo cáo số 206-BC/HU ngày 27/5/2008 xác định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Đặng Đình Đ đã được giao đất theo thông báo ngày 18/2/2004 của phòng NN&PTNT là chồng chéo trên diện tích đất có nhà ở ổn định của ông Hoàng Anh T do bà T1 tặng cho năm 1992.

Do đó UBND huyện S không có cơ sở để giao đất cho ông Đặng Đình Đ theo quy định.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng không thành. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án hành chính để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa đã chấp hành đúng theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện. Buộc UBND huyện S cấp một xuất đất tái định cư cho

chị Nguyễn Thi Thăm và con là Đặng Xuân V tại vị trí tái định cư cho các hộ gia đình tại dự án theo đúng nội dung quy hoạch đã được phê duyệt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên; căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện UBND huyện S là ông Lê Mạnh H vắng mặt và đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 158 Luật tổ tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện về việc buộc UBND huyện S cấp 01 lô đất tái định cư hoặc bồi thường 01 lô đất tại đường N1 cho những người thừa kế của ông Đ là bà Nguyễn Thị T và con trai là Đặng Xuân V.

[2.1] Bà Nguyễn Thị T khởi kiện hành vi hành chính không thực hiện việc cấp đất tái định cư cho hộ gia đình có đất bị thu hồi. Đây là yêu cầu về hành vi hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai và đơn khởi kiện được nộp trong thời hạn, đảm bảo đúng quy định tại Điều 30, 32, 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[2.2] Về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) cho hộ ông Đặng Đình Đ:

Ngày 19/5/2002, ông Đ có Đơn xin cấp GCNQSDĐ và ngày 19/6/2002 có Đơn xin giao đất đối với diện tích đất ở 120m² tại tổ 3, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lào Cai, nguồn gốc đất là do bố mẹ để lại.

Ngày 18/02/2004, Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện S có Thông báo về giao giao đất cho hộ ông Đ, kèm theo thông báo có sơ đồ xin giao đất. Tờ khai xác định mốc giới thời gian sử dụng đất có xác nhận của cán bộ địa chính về việc đất là do bố, mẹ cho tặng, đã sử dụng làm nhà ở ổn định từ năm 1996. Sau đó ông Đ đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính và được UBND huyện S cấp GCNQSDĐ số: Đ797307 ngày 12/5/2004.

Xét thấy, hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho ông Đ đảm bảo đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo Luật Đất đai năm 2003.

[2.3] Về việc thu hồi đất:

Năm 2004, UBND huyện S triển khai thực hiện Dự án Xây dựng hạ tầng và san tạo mặt bằng Chợ Văn hóa - Bến xe khách S (sau đây gọi là Dự án bến xe). Căn cứ theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 36 và khoản 1 Điều 82 Nghị định

số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai; điểm b khoản 2 Điều 34 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 quy định về bổ sung về việc cấp GCNQSDĐ, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai thì việc thu hồi đất để thực hiện Dự án bến xe thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng - sử dụng đất để chỉnh trang, phát triển đô thị. Diện tích đất của ông Đ nằm trong vùng quy hoạch của dự án. Ngày 18/6/2005, UBND huyện S đã ban hành Quyết định số 176/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ gia đình ông Đ (gọi tắt là Quyết định 176).

Xét thấy, UBND huyện S cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Đ đúng quy định pháp luật, do đất nằm trong vùng quy hoạch xây dựng công trình Dự án bến xe, nên UBND huyện S thực hiện thủ tục thu hồi đất đối với hộ ông Đặng Đình Đ là có căn cứ và Quyết định 176 của UBND huyện được ban hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và nội dung. Hiện nay Quyết định này vẫn đang có hiệu lực thi hành.

[2.3] Về việc đền bù thiệt hại, hỗ trợ và tái định cư:

Ngày 29/6/2006, UBND huyện S ban hành quyết định số 221/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí đền bù thiệt hại, hỗ trợ và tái định cư. Theo đó hộ ông Đ được đền bù thiệt hại, hỗ trợ số tiền 183.550.100đồng. Ngày 06/11/2006 gia đình ông Đ đã nhận tiền bồi thường về tài sản, hoa màu là 22.658.500 đồng nhưng chưa nhận tiền bồi thường về đất, lý do: Gia đình đề nghị được cấp trả đất thổ cư nên số tiền còn lại sẽ được đối trừ khi nhà nước cấp đất tái định cư.

Tại biên bản ngày 08/12/2006 đã thể hiện nội dung, gia đình ông Đ nhận số tiền hỗ trợ thuê nhà trong 6 tháng và tiền di chuyển trước tổng cộng là 3.300.000đồng và gia đình đã giải phóng mặt bằng và bàn giao lại cho Ban quản lý dự án xây dựng đô thị huyện S để thực hiện dự án.

Như vậy, gia đình ông Đ khi bị nhà nước thu hồi đất đã chấp hành đúng nghĩa vụ của mình, bàn giao mặt bằng cho nhà nước. Tuy nhiên từ khi bị thu hồi đất đến nay, UBND huyện S vẫn chưa giao đất tái định cư cho hộ ông Đ.

UBND huyện S cho rằng không có căn cứ để cấp đất tái định cư cho hộ ông Đ, bởi lẽ theo Thông báo số 338/TB-HU ngày 25/01/2008 (sau đây gọi tắt là Thông báo 338) của Ban thường vụ huyện ủy S đã kết luận là giao cho UBND huyện ra quyết định hủy bỏ hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Đ, thoái trả tiền sử dụng đất với lý do: Việc lập hồ sơ giao đất không đầy đủ thủ tục theo quy định và trên diện tích không đúng chủ sử dụng và nhà ở (nhà và đất trên GCNQSDĐ thuộc quyền sử dụng của ông Hoàng Anh T) và theo Báo cáo số 206-BC/HU ngày 27/5/2008 xác định hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho ông Đ đã được

giao đất theo Thông báo ngày 18/02/2004 của Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn là chồng chéo lên diện tích đất có nhà ở ổn định của ông Hoàng Anh T do bà T1 tặng cho năm 1992.

Xét thấy, hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Đ thể hiện nguồn gốc đất là do bố mẹ tặng cho và thực tế ông Đ đã sinh sống ổn định từ năm 1996. UBND huyện S cho rằng hộ ông Đ được giao đất là chồng chéo vì trên đất có nhà ở ổn định của ông Hoàng Anh T do bà T1 tặng cho năm 1992. Tuy nhiên các tài liệu mà UBND huyện S cung cấp không có chứng cứ nào là tại thời điểm cấp đất cho ông Đ thì đã có nhà của anh T.

Theo lời khai của ông Đoàn Văn N xác nhận gia đình ông có mua lại một căn nhà gỗ của ông T vào khoảng thời gian năm 2003 - 2004 vì khi đó ông T phải trả lại đất cho bà T1, (diện tích đất này ông T mượn của bà T1 từ năm 1998 nhưng do ông T nghiện ma túy, bỏ vợ nên bà T1 đòi lại đất để tặng cho con trai là ông Đặng Đình Đ). Từ khoảng đầu năm 2002 ông Đ đã làm các thủ tục để xin cấp đất và năm 2004 đã được nhà nước cấp GCNQSDĐ, trong quá trình này ông T không có ý kiến gì. Hơn nữa, tại Biên bản làm việc ngày 17/01/2017 thì ông T cũng xác nhận về việc mượn đất của bà T1 để ở vào năm 1998, đến cuối năm 2001 nhất trí trả lại đất và để lại ngôi nhà cho ông Đặng Đình Đ nên toàn bộ đất đai, tài sản thuộc quyền sử dụng của ông Đ. Như vậy, Thông báo số 338 kết luận hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Đ là không đúng quy định pháp luật, diện tích đất cấp cho hộ ông Đ chồng chéo lên diện tích đất mà ông T là thiếu căn cứ. Cho đến nay UBND huyện S cũng không thực hiện việc thu hồi, hủy bỏ GCNQSDĐ đã cấp cho hộ ông Đ, thoái thu tiền bồi thường đã chi trả đối với hộ ông Đ và Quyết định 176 đang có hiệu lực thi hành.

Xét Biên bản hợp đồng về việc chuyển nhượng và trả lại quyền sử dụng đất ngày 20/11/2003 giữa anh T và bà Đặng Thị P. Trong đó có nội dung “*Anh T giao văn bản chuyển nhượng của bà T1 cho ông T và bàn đất cho chị P để làm thủ tục đăng ký biến động đất đai, thay đổi tên chủ sử dụng đất và xin cấp GCNQSDĐ*”. Tuy nhiên, sau đó bà P không thực hiện thủ tục đăng ký biến động, xin cấp GCNQSDĐ và bà P cũng không quản lý, sử dụng diện tích đất cho rằng đã nhận chuyển nhượng từ anh T. Hơn nữa, trong biên bản không thể hiện rõ diện tích thửa đất và tài sản trên đất, không có địa chỉ thửa đất; không có biên bản bàn giao thực địa. Ngoài ra, toàn bộ tài liệu này là bản phô tô, không có tài liệu gốc để đối chiếu, nên không có giá trị chứng minh. Bà P khi có đơn tố cáo em trai là ông Đặng Đình Đ về việc lợi dụng để cấp GCNQSDĐ từ năm 2007 đến khi có kết quả giải quyết tố cáo của cơ quan có thẩm quyền và cho đến nay thì bà P cũng không có ý kiến gì, không đòi lại quyền sử dụng đất mà UBND huyện S đã cấp cho ông Đ mà bà P cho rằng là của mình. Ông Hoàng Anh T trước khi chết đã khẳng định đất thuộc quyền sử dụng của ông Đ. Vì vậy,

không có căn cứ chứng minh bà P có quyền sử dụng đất hợp pháp. Tại phiên họp đối thoại, UBND huyện S cũng có ý kiến “*nếu khẳng định bà P không có quyền lợi gì liên quan đến diện tích đất đã được cấp cho ông Đ thì UBND huyện S sẽ xem xét để cấp đất tái định cư, giải quyết chế độ bồi thường cho ông Đ*”.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã đưa ông Hoàng Anh T, bà Đặng Thị P vào tham gia tố tụng. Tuy nhiên, qua xác minh thì xác định anh T đã chết ngày 24/8/2017; theo Công văn số 20/CV-CATT ngày 23/01/2019 của Công an thị trấn S xác định không có công dân tên Đặng Thị P đăng ký hộ khẩu thường trú, tạm trú tại tổ 3A, 3B thị trấn S, huyện S, tỉnh Lào Cai. Do vậy, Tòa án không thực hiện được việc tổng đạt văn bản tố tụng cho bà P theo địa chỉ như trong Đơn tố cáo và các văn bản giải quyết của các cơ quan mà UBND huyện S cung cấp.

Từ những phân tích trên, xét thấy có đủ căn cứ chứng minh hộ ông Đặng Đình Đ có quyền sử dụng hợp pháp và đã được cấp GCNQSDĐ đối với diện tích đất ở 120m² tại tổ 3, thị trấn S, huyện S. UBND huyện S đã ban hành Quyết định thu hồi đất của hộ ông Đ. Theo Công văn số 840/UBND-TNMT ngày 16/4/2019 của UBND huyện S: “*Dự án Xây dựng hạ tầng và san tạo mặt bằng Chợ Văn hóa bến xe khách thị trấn S có Quy hoạch cụ thể vị trí tái định cư cho các hộ gia đình tại dự án, cụ thể là tại Quyết định số 2527/QĐ-CT ngày 30/9/2004 về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Dự án xây dựng hạ tầng và san tạo mặt bằng Chợ văn hóa bến xe khách thị trấn S, trong đó có 4.300m² dùng làm quỹ đất tái định cư*”. Công văn số 1091/UBND-TNMT ngày 08/5/2019 của UBND huyện S, đã khẳng định “*UBND huyện thực hiện việc giao đất tái định cư cho các hộ gia đình tại các tuyến đường N1, N2 tại dự án theo đúng nội dung quy hoạch đã được phê duyệt*”.

Tại đơn xác nhận của UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu, xác nhận hiện nay chị Nguyễn Thị T (là vợ của ông Đặng Đình Đ) và con trai là anh Đặng Xuân V đang phải ở nhờ nhà người em gái. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày sau khi bị thu hồi đất và bàn giao mặt bằng cho nhà nước gia đình ông Đ phải ở nhờ. Trong hồ sơ vụ án không có tài liệu, chứng cứ xác định gia đình ông Đ có chỗ ở khác. Vì vậy có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

[3] Xét Văn bản số 1618/UBND-PTQĐ ngày 11/7/2018 của UBND huyện S về việc trả lời đơn đề nghị của bà Nguyễn Thị T:

Văn bản số 1618/UBND-PTQĐ ngày 11/7/2018 của UBND huyện S có nội dung: Căn cứ Thông báo số 338/TB-HU ngày 25/01/2008 của Ban Thường vụ huyện ủy S, UBND huyện S không bồi thường về đất, không cấp tái định cư và thoái trả tiền sử dụng đất cho gia đình bà Nguyễn Thị T theo quy định. Như đã phân tích ở trên, Thông báo 338 không phải văn bản quy phạm pháp luật, và

việc cấp đất tái định cư cho chị Thắm là có căn cứ chấp nhận. Vì vậy, cần hủy văn bản số 1618/UBND-PTQĐ ngày 11/7/2018 để đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của người khởi kiện.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên chị Thắm không phải chịu tiền án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Người bị kiện UBND huyện S phải chịu tiền án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 158; điểm b Khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T. Buộc UBND huyện S, tỉnh Lào Cai cấp một suất đất tái định cư cho chị Nguyễn Thị T và anh Đặng Xuân V (Là những người thừa kế của ông Đặng Đình Đ) vị trí đất tái định cư theo đúng nội dung quy hoạch của dự án đã được phê duyệt.

2. Hủy Văn bản số 1618/UBND-PTQĐ ngày 11/7/2018 của Ủy ban nhân dân huyện S về việc trả lời đơn đề nghị hộ bà Nguyễn Thị T tổ 3B, thị trấn S.

3. Về án phí:

Người khởi kiện bà Nguyễn Thị T không phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hành chính sơ thẩm. Trả lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2010/0000341 ngày 30/11/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hành chính sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án hành chính sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án hành chính sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều

6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lào Cai (2);
- Cục THADS tỉnh Lào Cai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Quyết Thắng